**Mẫu số 33 -Phụ lục 2. Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản và khu vực tiếp tục thăm dò**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016*

*của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

 **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tọa độ các điểm khép góc**

|  |  |
| --- | --- |
| Điểm góc | Hệ VN 2000, kinh tuyến trục…múi chiếu… |
| X(m) | Y(m) |
| Khu vực tiếp tục thăm dò |
| 12… |  |  |
| Diện tích: ... ha |
| Khu vực trả lại |
| 12… |  |  |
| Diện tích: ... ha |

Khung tọa độ | **BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP THĂM DÒ VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC THĂM DÒ**(tên khoáng sản)…..tại khu vực (mỏ)…., xã….., huyện…., tỉnh….(Kèm theo Quyết định số......./QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm ... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)Nền địa hìnhRanh giới khu vực trả lại một phần diện tích thăm dò và phần diện tích còn lại tiếp tục thăm dò

|  |  |
| --- | --- |
| Người thành lậpTỷ lệ:….. (Ký, họ tên) |  Tổ chức, cá nhân thành lập (Ký, đóng dấu) |

“Được trích lục từ tờ bản đồđịa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu...” | CHỈ DẪN |